

CHƯƠNG TRÌNH VĂN HỌC NƯỚC NGOÀI CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TẠI TRUNG QUỐC VÀ MỘT SỐ THAM KHẢO VỚI VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ DIỆU LINH*

TÓM TẮT

Trên cơ sở tìm hiểu lịch sử và hiện trạng phần Văn học nước ngoài trong chương trình Ngữ văn cấp Trung học phổ thông Trung Quốc, bài viết đưa ra một số tham khảo với Việt Nam. Lịch sử cải cách chương trình cho thấy những thay đổi của phần Văn học nước ngoài trong chương trình là tấm gương phản ánh xu thế xã hội, và trong thời đại ngày nay, nó mang xu hướng đa nguyên hóa và đại chúng hóa rõ nét. Trong quá trình đổi mới chương trình, cần đặc biệt chú ý đến các đặc thù của môn Văn học nước ngoài.

Từ khóa: văn học nước ngoài; chương trình Ngữ văn; trung học phổ thông; Trung Quốc; Việt Nam.

ABSTRACT

The Foreign Literature Section in China's Literature Curriculum and Some Implications for Vietnam

Founded on an investigation of the history and present state of Foreign Literature modules in Language and Literature Curriculum in China's high schools, this paper attempts to provide some references for Vietnam. The history of curriculum innovation shows that the modules of Foreign Literature in a curriculum reflects social trends, which are in this era evidently the tendencies of pluralization and popularization. In the process of curriculum innovation, special attention should be paid to the specific characteristics of Foreign Literature curriculum.

Keywords: foreign literature; language arts and literature curriculum; high school; China; Vietnam.

1. Mở đầu

Mục đích chính của bài viết không nằm ở việc tổng thuật các vấn đề liên quan đến phần Văn học nước ngoài trong chương trình THPT Trung Quốc. Có hai lí do: thứ nhất, với gần chục bộ sách giáo khoa Ngữ văn sử dụng tại các tỉnh thành khác nhau của Trung Quốc hiện nay, việc tổng thuật vượt quá phạm vi một bài viết; thứ hai, để bàn đến việc dạy học Ngữ văn trong bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông thì thiết nghĩ một số suy ngẫm, liên

tưởng sẽ có ích hơn sự tổng thuật đơn thuần. Do vậy, trong bài viết này, tôi sẽ trình bày một số vấn đề trên cơ sở khảo sát phần Văn học nước ngoài của chương trình THPT Trung Quốc hiện nay trong mối liên tưởng với việc đổi mới phần Văn học nước ngoài trong chương trình THPT Việt Nam. Cũng xin phép được nhấn mạnh rằng, do sự tương đồng và mối liên quan không thể phủ nhận giữa hai quốc gia trên các mặt lịch sử, xã hội nói chung và giáo dục nói riêng, cho nên những thay đổi, những tiến bộ và bất cập của sách giáo khoa phổ thông Trung Quốc cho đến nay luôn có giá trị

* TS, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

tham khảo đối với việc cải cách sách giáo khoa phổ thông Việt Nam.

Có cùng xuất phát điểm là những nước phương Đông thuộc thế giới thứ ba, cùng giành độc lập dân tộc bằng cách mạng, cùng tiến hành cải cách mở cửa vào khoảng thập niên 70, 80 của thế kỉ trước và cùng tiếp nhận làn sóng toàn cầu hóa vào khoảng cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI, cả Việt Nam và Trung Quốc đều nhìn nhận phần “Văn học nước ngoài” trong chương trình phổ thông không chỉ như những “tinh hoa văn học” của thế giới mà còn như chiếc cầu nối giữa nền văn hóa bản địa và văn hóa thế giới, hay nói cách khác, một cánh cửa để hội nhập. Điều này đặc biệt đúng với cấp học cuối cùng của bậc phổ thông, tức là khoảng thời gian học sinh trưởng thành và chuẩn bị tham gia vào cuộc sống xã hội với tư cách một công dân chính thức. Lịch sử, thực trạng và những cải cách của phần Văn học nước ngoài (VHNN) cần được nhìn nhận dưới tiền đề này.

Hiện tại các khu vực, tỉnh thành Trung Quốc đều có quyền tự chủ khá cao trong việc biên soạn và lựa chọn sách giáo khoa bậc phổ thông, có khoảng gần chục bộ SGK THPT đang lưu hành trên toàn quốc. Trong bài viết này, các khảo sát và thí dụ của chúng tôi hầu hết căn cứ trên phần VHNN trong SGK Ngữ văn của ba bộ sách sau:

- “Phổ thông cao trung ngữ văn khóa trình tiêu chuẩn thực nghiệm giáo khoa thư” của Nhân dân Giáo dục Xuất bản xã, năm 2004 (sau đây xin viết tắt là Bộ 1)

- “Phổ thông cao trung ngữ văn khóa trình tiêu chuẩn thực nghiệm giáo khoa thư” của Giang Tô Giáo dục Xuất bản xã, năm 2007 (sau đây xin viết tắt là Bộ 2)

- “Cao cấp trung học khóa bản – Ngữ văn” của Hoa Đông Sư phạm Đại học Xuất bản xã, năm 2006 (sau đây xin viết tắt là Bộ 3)

Cả ba bộ sách đều rất mới và được đánh giá cao về chất lượng. Trong đó, hai bộ sách đầu tiên là hai bộ sách có ảnh hưởng lớn và phạm vi sử dụng rộng rãi, còn bộ sách thứ ba được đánh giá là có những cải tiến táo bạo, đáng để nghiên cứu.

2. Văn học nước ngoài trong chương trình THPT như một tấm gương phản ánh xu thế xã hội hay là sự thỏa hiệp của “tinh văn học”

Chương trình Ngữ văn THPT (cao trung) Trung Quốc đã có hơn 100 năm lịch sử và quá trình tồn tại, thay đổi của phần VHNN trong chương trình này quả thực không hề đơn giản. Ở cấp đại học, VHNN luôn là môn học bắt buộc trong chương trình của các khoa Trung văn (Ngôn ngữ và Văn học Trung Quốc). Địa vị của nó không có nhiều thay đổi lớn (thậm chí có thể nói là địa vị ngày càng được nâng cao theo từng đợt cải cách giáo dục đại học) mặc dù cách đánh giá, nhìn nhận có thể hoàn toàn trái ngược nhau theo từng thời kì lịch sử. Tuy nhiên, với phần VHNN trong chương trình THPT thì mọi chuyện không dễ dàng như vậy.

Cuối nhà Thanh đầu Trung Hoa dân quốc, chương trình chỉ có các tác phẩm Trung Quốc viết bằng văn ngôn, hoàn toàn không có VHNN. Sau cuộc vận động Ngũ Tứ năm 1919, Văn học bạch thoại Trung Quốc và Văn học nước ngoài cùng lúc bước vào chương trình Ngữ văn bậc trung học. Đến những năm 1940, 1950, do chủ trương giáo dục trung học nhằm vào mục tiêu “Hán văn Hán ngữ” nên chương trình chủ yếu chỉ tuyển chọn tác phẩm văn học

Trung Quốc, phần VHNN lúc cao điểm nhất cũng chỉ chiếm 10%, và thiên về mảng văn học mang tính chất tuyên truyền. Thời kì Đại cách mạng văn hóa, sách giáo khoa trở thành công cụ chính trị, VHNN đương nhiên không còn chỗ đứng. Sau khi đánh đổ “Lũ bốn tên”, VHNN có mặt trở lại trong chương trình Ngữ văn nhưng chịu ảnh hưởng mạnh của khuynh hướng tư tưởng cực tả. Sau khi Trung Quốc tiến hành cải cách mở cửa vào cuối những năm 1970 đầu những năm 1980, số lượng tác phẩm VHNN được tuyển chọn trong chương trình THPT tăng lên rõ rệt, nhưng phạm vi tuyển chọn khá hạn hẹp do chịu sự chi phối của tư tưởng chính trị (hầu hết vẫn là văn học khuynh hướng hiện thực phê phán). Điều này phần nào cho thấy cải cách chương trình Ngữ văn vẫn đi sau cải cách kinh tế, xã hội một bước. Diện mạo đa dạng phong phú và tinh thần cởi mở của phần VHNN chỉ thực sự hình thành sau những cải cách được đánh giá là “bước đột phá lớn” của bộ SGK mới do Nhân dân văn học xuất bản xã xuất bản năm 1996-1999. Đây là lần đầu tiên các tác giả, tác phẩm văn học nước ngoài thuộc nhiều nền văn học, nhiều thời kì văn học và nhiều trường phái văn học khác nhau cùng góp mặt trong chương trình, cũng là lần đầu tiên sách giáo khoa Ngữ văn THPT Trung Quốc giới thiệu cho học sinh những thành tựu của văn học phái chủ nghĩa hiện đại phương Tây². Sau năm 2000, phần VHNN càng được mở rộng, bên cạnh các tác phẩm văn học Âu Mỹ, một số tác giả, tác phẩm thuộc các nền văn học phương Đông cũng được giới thiệu³. Đáng chú ý là không chỉ đổi mới về cách tuyển chọn tác phẩm mà cách dạy – học cũng có nhiều cải tiến: thay vì cung cấp cho giáo viên và học sinh một

cách đánh giá duy nhất thì bộ sách mới này đưa ra nhiều cách đánh giá khác nhau về tác phẩm văn học. Như vậy, có thể thấy “đột phá” trong số lượng hay phạm vi tuyển chọn tác phẩm VHNN không thể tách rời “đột phá” trong cách tiếp cận và dạy - học tác phẩm. Nói cách khác, “cải cách” trong việc tuyển chọn tác phẩm VHNN là một phần của quá trình “cải cách” mang tính hệ thống ở các cấp độ lớn hơn.

Nhìn sang phía Việt Nam, cũng có thể nhận thấy những chuyển biến tương tự sau Đổi mới. Theo tổng kết của Phùng Văn Tửu, từ sau đợt cải cách chương trình THPT với quy mô rộng năm 1989 - 1990, mảng văn học nước ngoài có “quy mô phát triển đột biến”. Cụ thể là: “Số lượng các nhà văn tăng hơn gấp đôi. Ngoài một vài nền Văn học quen thuộc từ trước, học sinh được tiếp xúc thêm với những nền văn học khác, cả ở phương Đông cũng như phương Tây; các thể loại văn học được đề cập đến cũng phong phú hơn, đặc biệt văn học thế kỉ XX được quan tâm thích đáng, chiếm gần năm học lớp 12” [5]. Dĩ nhiên, ở đây tôi chỉ đề cập đến sự tương đồng trên chuyển biến lớn, chứ chưa bàn đến nội dung cụ thể của cải cách.

Công cuộc cải cách mở cửa Trung Quốc đã đi qua một chặng đường dài mấy chục năm. Trong quá trình vươn lên thành một trong những cường quốc kinh tế của thế giới, quan điểm của Trung Quốc về giao lưu văn hóa Đông – Tây, về hiện đại, phát triển, toàn cầu hóa, đại chúng hóa... cũng trải qua nhiều thay đổi. Những đổi thay này đều có liên quan đến những cải cách của phần VHNN trong chương trình THPT. Nhìn vào phần VHNN trong ba bộ sách bài viết đã nhắc đến ở trên, có thể

thấy rõ ràng ba khuynh hướng sau: khuynh hướng lần át của văn học phương Tây so với văn học phương Đông (một minh chứng rõ ràng là không có tác phẩm nào đại diện cho nền văn học lớn Ấn Độ, còn với văn học Nhật Bản, chỉ có ba tác giả là Yasunari Kawabata, Kuri Ryohei và Kiyooka Takuyuki); khuynh hướng lần át của văn học các quốc gia phát triển (nhất là bốn nước Mĩ, Anh, Pháp, Đức) so với văn học các quốc gia khác; khuynh hướng lần át của văn học thế kỉ XIX-XX so với văn học các thời kì khác (thống kê của Trương Lỗi trên bốn bộ SGK Ngữ văn có ảnh hưởng nhất tại Trung Quốc hiện nay cho thấy 47% tác phẩm VHNN được tuyển chọn thuộc về thế kỉ XX và 40% thuộc về thế kỉ XIX). Ba khuynh hướng trên phần nào cho thấy xu thế coi trọng phương Tây và coi trọng tính chất hiện đại trong tư duy các nhà biên soạn sách.

Tôi muốn đưa ra một thí dụ cụ thể hơn và có lẽ thú vị hơn về vấn đề này. Ở cả ba bộ sách trên, trong số các quốc gia có tác phẩm văn học được tuyển chọn, Mĩ chiếm tỉ lệ lớn nhất về số lượng tác phẩm và tác giả. Với Bộ 1, có 8 tác phẩm văn học Mĩ trên tổng số 10 tác phẩm văn học nước ngoài. Với Bộ 2, tỉ lệ này là 9/28, và với Bộ 3 là 7/20. Dung lượng tác phẩm văn học Mĩ vượt xa các nền văn học khác trong chương trình hoàn toàn không phải điều ngẫu nhiên. Trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường đồng thời với chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc, Trung Quốc đã coi nền kinh tế và văn hóa Mĩ như một trong những đối tượng quan trọng nhất để tìm hiểu với tham vọng đuổi kịp và vượt qua vị trí cường quốc số một thế giới của Mĩ. Và phần VHNN trong sách giáo khoa THPT hiện đang lưu hành tại Trung Quốc,

vẫn như từ cách đây hơn 100 năm, chính là tấm gương phản ánh một cách trung thành và sâu sắc xu thế xã hội đương thời.

Chúng ta đều biết rằng đối với môn Văn học trong chương trình phổ thông thì “tính văn học” là một tiêu chí vô cùng quan trọng. Tuy nhiên, quá trình một tác phẩm bước vào và tồn tại trong chương trình cũng như quá trình dạy và học một tác phẩm văn học không giống như quá trình một người đọc với tư cách cá nhân thưởng thức một tác phẩm văn chương. “Tính văn học” ở đây có thể là tiêu chí rất quan trọng, song không phải là tiêu chí duy nhất. Trong các công trình tổng kết về lịch sử và hiện trạng phần VHNN trong chương trình THPT của Trung Quốc, chúng ta thường xuyên bắt gặp nhận định sau: những thăng trầm mà phần VHNN trải qua cùng những cải cách đã và đang được thực hiện với phần này cho thấy một xu hướng nhất quán – xu hướng đi từ “tính công cụ” đến “tính văn học”, từ “nhất nguyên” đến “đa nguyên”. Cách tổng kết và đánh giá của các tác giả hoàn toàn có lí. Song theo tôi, điều này không nên được lí giải như là một sự thắng thế của “tính văn học” trong việc xây dựng phần VHNN trong chương trình Ngữ văn, mà chính xác hơn đó là một quá trình lâu dài nơi “tính văn học” phải thỏa hiệp với rất nhiều “tính” khác ngoài văn học như tính chính trị, tính xã hội, tính thời đại, tính kinh tế, tính truyền thông... Có những giai đoạn chúng ta thấy sự thỏa hiệp bất thành, và các tác phẩm VHNN bị gạt bỏ ra khỏi chương trình dưới sự áp chế của tính chính trị hay trở thành cái loa phát ngôn lộ liễu cho một tư tưởng, lại có những giai đoạn dường như “tính văn học” đã có được sự thỏa hiệp thành công với xu thế lớn của xã hội và đây chính là lúc chương

trình VHNN có những bước đột phá so với tiến trình trước đó. Vì thế mà VHNN ở đây, từ một góc độ nào đó, có thể được coi như một thứ “hàn thử biểu” khá nhạy cảm, nó cho chúng ta thấy một cộng đồng đang nhìn nhận phần còn lại của thế giới (ngoài mình ra) theo cách nào, đồng thời cũng là nhìn nhận chính bản thân mình theo cách nào.

3. Từ “đa nguyên hóa” đến “đại chúng hóa” – xu hướng của văn học nước ngoài trong chương trình THPT

Nếu phải tìm một từ khóa phổ biến trong những công trình, bài viết và bình luận xoay quanh chủ đề cải cách chương trình Ngữ văn THPT Trung Quốc, thì “đa nguyên hóa” có lẽ là lựa chọn thích hợp hơn cả. “Đa nguyên hóa” được dùng trong quan hệ đối sánh (hiểu một cách trực tiếp hay ngầm ẩn) với “nhất nguyên hóa”, và gọi đến cả quá trình cải cách lâu dài từ xu hướng “nhất nguyên hóa” đến xu hướng “đa nguyên hóa”, từ cách nhìn một chiều đến cách nhìn nhiều chiều, từ thái độ tìm kiếm chân lí duy nhất đến thái độ chấp nhận và dung nạp những “cái khác”... “Đa nguyên hóa” được hiểu như là một nhân tố hay một tính chất thể hiện trên nhiều phương diện, cấp độ khác nhau từ cương lĩnh chung của chương trình, tiêu chí tuyển chọn tác phẩm văn học đến cách thức giáo viên và học sinh xử lí chương trình và văn bản tác phẩm... Nói cách khác, cái được gọi là “đa nguyên hóa” ở đây cũng rất “đa nghĩa”.

Trong đợt cải cách toàn diện cơ cấu nền giáo dục Trung Quốc tháng 9 năm 1986, Hội đồng thẩm định SGK Tiểu học và Trung học được thành lập với tôn chỉ như sau: “Nhằm thích ứng với những đòi hỏi về cấp độ văn hóa khác nhau của các

khu vực, tạo dựng và hoàn thiện chế độ thẩm định SGK có uy tín, đầy mạnh và phát triển chất lượng SGK trung tiểu học, thực hiện đa nguyên hóa SGK trung học một cách có kế hoạch, có chỉ đạo”. Như vậy, “đa nguyên hóa” ở đây có thể được hiểu như là đa dạng hóa. Tuy nhiên, càng về sau, “đa nguyên hóa” càng được hiểu như một đặc điểm, đồng thời là một mục tiêu của chương trình, và thường được gắn với yếu tố “văn hóa”, trở thành “đa nguyên văn hóa”. “Đề cương giảng dạy môn Ngữ văn THPT” (cao trung ngữ văn giáo học đại cương) mới nhất nhấn mạnh rằng thông qua việc học VHNN, học sinh không những được tiếp xúc, tìm hiểu các tác phẩm văn học ưu tú của nhiều quốc gia khác nhau, mà còn có thể khai thác và suy ngẫm về văn hóa đa nguyên của các quốc gia khác, trở thành các công dân vừa mang bản sắc dân tộc lại vừa hội nhập được với thế giới. Để đạt đến mục tiêu đó, cách ứng xử của giáo viên và học sinh với chương trình cũng phải “đa nguyên hóa”, tự chủ và cởi mở⁴. Trên cơ sở nhìn “đa nguyên hóa” như một “từ khóa” và như tinh thần xuyên suốt chương trình VHNN cấp THPT Trung Quốc, tôi cho rằng xu hướng của phần VHNN trong chương trình THPT Trung Quốc chính là đi từ “đa nguyên hóa” đến “đại chúng hóa”, được thể hiện cụ thể trong hai vấn đề dưới đây.

Trước hết, “đa nguyên hóa” phá vỡ tính “nhất nguyên” của việc trình bày tác phẩm văn học theo dòng lịch sử văn học. Trong ba bộ SGK Ngữ văn mà bài viết đề cập đến, có thể thấy một điểm chung là chương trình văn học không đi theo phương thức diễn giải văn học sử. Các tác phẩm văn học Trung Quốc và nước ngoài được kết cấu thành từng nhóm tác phẩm

theo ít nhất là ba tiêu chí khác nhau: thể loại văn học, trường phái văn học, và chủ đề. Điều này cũng có nghĩa là không một tác phẩm VHNN nào trong chương trình có thể được nhìn như một thực thể độc lập. Tác phẩm luôn luôn được lí giải như nhân tố hữu cơ của một nhóm nào đó. Vì thế, một văn bản văn học có thể xuất hiện cùng lúc ở nhiều bộ sách với những cách lí giải, cách dạy-học giống nhau hoặc khác nhau. Tôi xin đưa ra hai ví dụ để làm rõ điều này. Ví dụ thứ nhất là hai văn bản: “Bài nói chuyện trước mộ Karl Marx” của Engels (Đức) và “Tôi có một ước mơ” của Martin Luther King (Mỹ) xuất hiện trong cả ba bộ sách và đều gắn với các chủ điểm về danh nhân, sự nghiệp, ước mơ, lí tưởng... Như vậy trong trường hợp này cách thức khai thác hai văn bản của ba bộ sách dường như khá thống nhất. Ví dụ thứ hai là truyện ngắn “Người trong bao” của Anton Chekhov – một trong số hiếm hoi các tác phẩm văn học Nga xuất hiện trong chương trình. Cùng xuất hiện trong bộ 1 và bộ 3, tuy nhiên văn bản “Người trong bao” được đặt vào hai nhóm khác nhau với tiêu chí không giống nhau. Ở bộ 1, “Người trong bao” nằm trong nhóm gồm bốn tác phẩm: ngoài “Người trong bao” ra, ba tác phẩm còn lại đều là văn học Trung Quốc, gồm “Chức phúc” (Lỗ Tấn), “Biên thành” (Thẩm Tùng Văn) và “Hồ sen” (Trì Lợi). Nhóm tác phẩm này hướng về một chủ đề chung - chủ đề về những con người bất hạnh, sợ hãi trong một xã hội tù đọng, ngột ngạt. Bộ 3 khai thác “Người trong bao” theo cách khác. Tác phẩm nằm trong nhóm “Nhân vật điển hình trong văn học tự sự”, bao gồm bốn văn bản: trích đoạn “AQ chính truyện” (Lỗ Tấn), trích đoạn “Hamlet” (Shakespeare), “Người trong

bao” (Chekhov) và bài viết “Điển hình” của nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc Phó Đạo Bản. Như vậy, ở bộ sách này, người biên soạn chú ý đến vấn đề nhân vật điển hình trong “Người trong bao”, và đây cũng là cách giáo viên và học sinh tiếp cận với văn bản tác phẩm.

Cách thức tổ chức tác phẩm theo ba nhóm như đã nói không chỉ là mảnh đất tốt cho các cách nhìn nhận/ tiếp cận khác nhau về cùng một văn bản, mà còn tạo ra một khoảng trống khá tự do, linh hoạt cho việc tuyển chọn tác phẩm. Các “chuyên đề”, “mục” (đơn nguyên) có tính ổn định cao, nhưng những văn bản cụ thể bên trong nó có thể thêm bớt, thay đổi theo bối cảnh thời đại. Tất nhiên, không ai có thể phủ nhận rằng cung cấp được cho học sinh một cái nhìn toàn diện về lịch sử văn học thế giới thông qua hệ thống các tác phẩm VHNN là điều hết sức lí tưởng, song có lẽ cũng là điều hầu như không thể đạt được trong thực tế dạy và học của trường phổ thông. Cho nên, cách kết cấu “đa nguyên hóa” như cách làm của ba bộ SGK trên rất đáng để tham khảo.

Vấn đề thứ hai mà bài viết muốn bàn đến là mối liên quan giữa hướng “đa nguyên hóa” và hướng “đại chúng hóa”. Với quan điểm nhìn nhận tác phẩm như một phương tiện để đạt mục đích giáo dục, chương trình VHNN đã dung nạp một lượng lớn các tác phẩm văn học có vẻ như rất ít tính chất “thuần văn học” và tính chất “kinh điển”. Những tác phẩm thuộc thể loại văn học mang tính chính thống, tính kinh điển như thơ ca, truyện ngắn, tiểu thuyết, tản văn, kịch đã phải “nhường chỗ” cho các bài diễn thuyết, điểm sách, lời tựa, phổ cập khoa học... nghĩa là các dạng thức văn bản mà thế hệ học sinh thời đại mới có

thể tiếp xúc hàng ngày hàng giờ qua sách vở, báo chí và các phương tiện truyền thông khác. Các tên tuổi quen thuộc lẫy lừng trong giới văn học xuất hiện bên cạnh tên các chính khách, nhà triết học, nhà sử học, nhà hoạt động xã hội, diễn giả, họa sĩ, nhà vật lý, nhà toán học... và cả những nhân vật có thể không phải là “nhà” nào hết nhưng đã ghi được dấu ấn nhất định trong lịch sử. Chẳng hạn ở bộ 2 chúng ta có thể bắt gặp tác phẩm của các tác giả giành giải Nobel Văn học như Hermann Hess (Đức), Sholokhov (Nga), Heinrich Theodor (Đức), John Galsworthy (Anh) và các tác giả văn học như David Herbert Lawrence (Anh), Walt Whitman và O. Henry (Mĩ), Pushkin và Anna Akhmatova (Nga), Joraslaw Awazkiewicz (Ba Lan) bên cạnh sáng tác của các nhà triết học Đức lừng danh như Immanuel Kant, Karl Marx và Friedrich Engels, hai tên tuổi từng được trao giải Nobel Hòa bình là nhà hoạt động dân quyền Mĩ gốc Phi Martin Luther King và người sáng lập Thế vận hội hiện đại Pierre De Coubertin (Pháp), các nhà khoa học và triết học Anh Bertrand Russell và Francis Bacon, các nhà khoa học Mĩ Aldo Leopold và Henri David Thoreau, nhà sử học và hóa học người Bỉ George Alfred Leon Sarton, rồi nhà khoa học tự nhiên và triết học Pháp Blaise Pascal và chính khách Mĩ Patrick Henry, hay nhà văn kiêm nhà hoạt động xã hội khiếm thị – khiếm thính Helen Keller (Mĩ) và Anne Frank – cô bé người Đức gốc Do Thái tác giả của cuốn Nhật ký nổi tiếng “Nhật ký Anne Frank”... “Văn học” ở đây rõ ràng đã được kết nối với nhiều ngành, nhiều lĩnh vực khác để tiến gần hơn đến cái đại chúng, cái đương đại. Văn bản văn học không còn được quan niệm như những “kiểu mẫu” hay “tinh hoa” thuần túy và

bền vững mà gần gũi, sống động, thậm chí sẵn sàng thay đổi để thích nghi với cuộc sống hiện tại.

Xu hướng đa nguyên hóa và đại chúng hóa nói trên, nói cho cùng cũng bắt nguồn từ mối quan hệ chặt chẽ giữa xã hội và giáo dục, cụ thể hơn là từ chủ trương mở rộng cửa để tiếp nhận các yếu tố văn hóa khác, từ tinh thần đối thoại Đông - Tây và khát vọng vươn lên của Trung Quốc hiện nay. Lẽ dĩ nhiên, với giáo dục, nhất là giáo dục phổ thông, và đặc biệt là môn Ngữ văn, mọi xu hướng khi đẩy lên thái quá đều có thể trở thành con dao hai lưỡi. Cũng vì thế, trong các công trình nghiên cứu và bài viết, bên cạnh việc chỉ ra hạt nhân hợp lý của chương trình VHNN, nhiều tác giả Trung Quốc cũng đồng thời đưa ra cảnh báo về nguy cơ xa rời tính văn học hay phá vỡ tính hệ thống của lịch sử văn học thế giới.

4. Kết luận

Tiến hành thống kê trên bốn bộ SGK được đánh giá là có tầm ảnh hưởng lớn nhất Trung Quốc hiện nay, Trương Lỗi đã đưa ra kết quả: xét về dung lượng tác phẩm, tỉ lệ các tác phẩm VHNN trong tổng số các tác phẩm được tuyển chọn của 4 bộ sách nằm trong khoảng từ 15 đến 25% [4]. Có thể nói rằng, trong chương trình Ngữ văn Trung Quốc (và cả Việt Nam), VHNN vẫn là thứ yếu. Thêm vào đó, do đặc điểm của thi cử, VHNN vẫn chưa từng nằm ở vị trí trung tâm trong sự quan tâm của cả giáo viên, học sinh lẫn các nhà nghiên cứu chương trình, SGK và nghiên cứu phương pháp dạy học. Với những trình bày và suy ngẫm của bài viết trên cơ sở phân VHNN trong chương trình THPT Trung Quốc, tôi hy vọng có thể tiếp tục bàn một cách trực tiếp đến phân VHNN trong chương trình

THPT Việt Nam trong một bài viết khác. Ở đây, chỉ xin được đưa ra một vài đề xuất cho việc biên soạn phần VHNN trong SGK Việt Nam giai đoạn mới như sau:

Bên cạnh lối kết cấu theo tiến trình lịch sử văn học như hiện nay, các nhà biên soạn SGK có thể tham khảo các lối kết cấu khác theo thể loại văn học, theo khu vực văn học, theo chủ đề giáo dục... Ngoài ra, cũng có thể tham khảo việc phối hợp các lối kết cấu trên trong cùng một chương trình. Tất nhiên, dù lựa chọn lối kết cấu nào thì cũng phải đảm bảo được tính liên kết và khả năng hỗ trợ lẫn nhau giữa phần văn học bản địa (ở đây là văn học Việt Nam) và văn học nước ngoài.

Thứ hai, có thể thấy “đa nguyên hóa” và “đại chúng hóa” là các xu thế khó cưỡng lại của việc đổi mới chương trình Ngữ văn nói chung và phần VHNN nói riêng ở cấp THPT đối với một quốc gia đang phát triển nền kinh tế thị trường trong bối cảnh toàn cầu hóa như Việt Nam hiện nay. Trong trường hợp này, kinh nghiệm cải cách chương trình (bao gồm cả những thành công và bất cập) của Trung Quốc là rất đáng chú ý. Đồng thời với sự chủ động nắm bắt những xu thế này, cũng cần phải cân nhắc đến các vấn đề như *mức độ* và *phạm vi* trong quá trình cải cách chương trình.

Khác với tác phẩm văn học bản địa, tác phẩm VHNN được lựa chọn để dạy và học trong chương trình Ngữ văn đòi hỏi nhiều tiêu chí khác bên cạnh các tiêu chí của một tác phẩm văn học hay. Trước hết phải kể đến chiếc cầu nối nguyên bản với người đọc: *bản dịch*. Lựa chọn tác phẩm VHNN vì thế là một sự lựa chọn kép, vừa chọn tác phẩm vừa chọn bản dịch. Một tác phẩm VHNN dù giá trị đã được khẳng định mà chưa có bản dịch tốt thì cũng không

phải là lựa chọn phù hợp cho chương trình Ngữ văn THPT. Bên cạnh đó, trong trường hợp có nhiều bản dịch, người biên soạn lại phải chọn ra được bản dịch tối ưu. Thứ hai, với mục đích tạo điều kiện cho học sinh tiếp xúc với những nền văn hóa khác nhau trên thế giới thông qua văn học, một tác phẩm VHNN trong chương trình Ngữ văn rất cần mang đậm chất “*nước ngoài*”, bản sắc “*nước ngoài*”. Và mặc dù rất tôn trọng các luận điểm về xu thế “*toàn cầu hóa*” cũng như “*tính nhân loại*” của văn học, nhưng cá nhân tôi cho rằng với đối tượng hướng tới là học sinh THPT thì tác phẩm VHNN trong chương trình trước hết vẫn phải mang trong mình khả năng truyền tải tinh thần của nền văn học và văn hóa đã sản sinh ra nó. Cuối cùng, chúng ta có thể nói đến tiêu chí thứ ba như một hệ quả tất yếu của hai tiêu chí trên. Chính do việc dạy và học tác phẩm VHNN trong nhà trường phải qua một trung gian là văn bản dịch, và do giáo viên và học sinh phải nắm bắt rất nhiều kiến thức văn hóa, xã hội, lịch sử... có phần xa lạ khi xử lý một văn bản tác phẩm VHNN, nên lựa chọn tác phẩm như thế nào để *vừa đảm bảo giá trị văn học vừa phù hợp với tâm tiếp nhận của học sinh* cũng là một bài toán không dễ giải. Song nói cho cùng, có khi chính cái “*khó*” và cái “*lạ*” của các tác phẩm VHNN lại là những nhân tố cần thiết để kích thích trí tưởng tượng và sự hứng thú tìm hiểu thế giới của học sinh. Và điều này chẳng phải rất thích hợp trong một thời đại mà chúng ta luôn nói rằng người thầy không phải là đấng toàn tri, sách giáo khoa không phải là Kinh thánh, và mục đích của giáo dục không phải là cung cấp những điều ta biết mà là khơi dậy lòng say mê của học sinh trước những điều ta chưa biết hay sao?

¹ Đó là lúc phong trào dịch thuật và giới thiệu văn học phương Tây ở Trung Quốc lên đến cao trào, như một dấu mốc cho việc chấm dứt trạng thái “bế quan tỏa cảng” và khởi đầu cho sự thăng thế không gì ngăn cản nổi của tâm thế đón nhận, tìm hiểu cái mới mẻ của nền văn hóa phương Tây nhằm hiện đại hóa nền văn hóa bản địa.

² Ngoài các tác phẩm văn học theo chủ nghĩa hiện đại như “Hóa thân” của Franz Kafka, “Vết đốm trên tường” của Virginia Woolf, “Trăm năm cô đơn” (đoạn trích) của Garcia Marquez, “Đợi chờ Godot” (đoạn trích) của Samuel Beckett... còn có một bài giới thiệu chung về tiểu thuyết và kịch chủ nghĩa hiện đại phương Tây.

³ Các thông tin trên được tổng hợp từ TLTK 2.

⁴ Các thông tin trên được tổng hợp từ TLTK 1.

⁵ “Phổ thông cao trung ngữ văn khóa trình tiêu chuẩn thực nghiệm giáo khoa thư” của Nhân dân giáo dục xuất bản xã (2004), “Phổ thông cao trung ngữ văn khóa trình tiêu chuẩn thực nghiệm giáo khoa thư” của Giang Tô giáo dục xuất bản xã (2007), “Cao cấp trung học khóa bản - Ngữ văn” của Hoa Đông Sư phạm đại học xuất bản xã (2006) và “Phổ thông cao trung ngữ văn khóa trình tiêu chuẩn thực nghiệm giáo khoa thư” của Sơn Đông nhân dân xuất bản xã (2004).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lưu Hồng Đào (2001), “Vấn đề văn học nước ngoài trong chương trình Ngữ văn trung học, Bắc Kinh *sư phạm đại học học báo* (số KHXH&NV), số 1.
2. Đường Hà, Thủy Trọng Văn (2006), “Dạy học văn học nước ngoài trong chương trình Ngữ văn THPT – lịch sử và hiện trạng”, *Trùng Khánh Văn Lý học viện học báo* (số KHXH).
3. Trương Lỗi (2013), “Tuyển chọn văn học nước ngoài trong chương trình Ngữ văn THPT – hiện trạng và suy ngẫm”, *Tạp chí Lí luận và thực tiễn giáo dục*, số 26.
4. Đồng Nhã Thần (2013), *Điều tra và nghiên cứu việc tuyển chọn tác phẩm văn học nước ngoài trong bối cảnh cải cách chương trình THPT*, Thạc sĩ luận văn học vị, Sơn Tây sư phạm đại học, tháng 5/2013.
5. Phùng Văn Tửu (2008), *Cảm thụ và giảng dạy văn học nước ngoài*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 28-12-2013; ngày phản biện đánh giá: 06-01-2014;

ngày chấp nhận đăng: 11-01-2014)